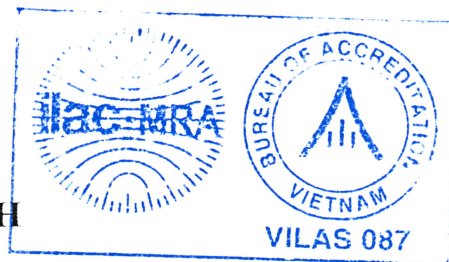




BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC TRUNG ƯƠNG

48 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam
ĐT: +84.24.38252791 - Fax: +84.24.38256911

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỨNG CHỈ PHÂN TÍCH

Certificate of Analysis

CHUẨN CHÍNH

Số: 10/2018

TANG KÝ SINH

(Herba Loranthi parasitici)

SKS: CC 0118 057.02

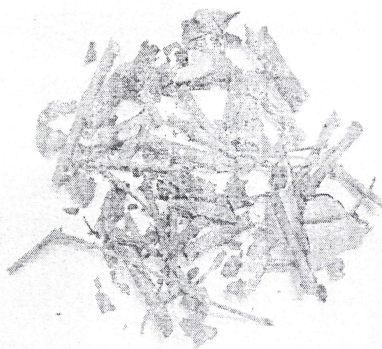
Dược liệu là những đoạn thân cành và lá đã phơi khô, lấy từ cây Tầm gửi *Loranthus parasiticus* (L.) Merr, họ Tầm gửi (*Loranthaceae*), sống kí sinh trên cây Dâu tằm (*Morus alba* L.), họ Dâu tằm (*Moraceae*).

I. Mục đích sử dụng

Dược liệu chuẩn chính Tang ký sinh (SKS: CC 0118 057.02) được sử dụng trong các phép thử soi bột, vi phẫu và định tính.

II. Mô tả

Dược liệu là những đoạn thân, cành hình trụ, dài 3 cm đến 4 cm, đường kính 0,3 cm đến 0,7 cm, có phân nhánh, những mấu lồi là vết của cành và lá. Mặt ngoài màu nâu xám, có nhiều lỗ bị nhỏ, đôi khi có những vết nứt ngang. Chất cứng rắn. Mặt cắt ngang thấy rõ ba phần: phần vỏ mỏng màu nâu, gỗ trắng ngà, ruột màu xám và xốp. Lá khô nhăn nhúm, nguyên hoặc bị cắt thành từng mảnh. Lá hình trái xoan, đầu và gốc phiến lá hơi nhọn, màu nâu xám, dài 3,5 cm đến 4,5 cm, rộng 2,5 cm đến 3,5 cm, cuống lá dài 0,4 cm đến 1,2 cm, gân lá hình mạng lưới.



III. Kết quả phân tích

Tiến hành đối chiếu với chất chuẩn Quercitrin (Nguồn gốc: Viện Kiểm nghiệm thuốc và thực phẩm Trung ương Trung Quốc, SKS: 111538 - 201105), thử theo tiêu chuẩn số TC/TQKT-ĐD/057.02.

1. Vi phẫu : Thể hiện các đặc điểm vi phẫu của Tang ký sinh như mô tả trong ĐĐVN V.
2. Bột : Thể hiện các đặc điểm bột của Tang ký sinh như mô tả trong ĐĐVN V.
3. Định tính
- Phản ứng hóa học : Thể hiện các đặc điểm của Tang ký sinh như mô tả trong ĐĐVN V.
- Phương pháp sắc ký lớp mỏng : Trên sắc ký đồ dung dịch thử cho vết có cùng màu sắc và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ dung dịch đối chiếu.
4. Độ ẩm : 7,8 %
- Phương pháp sấy
5. Tạp chất : Không có.
6. Định lượng : 0,078 % quercitrin ($C_{21}H_{20}O_{11}$), tính theo dược liệu khô kiệt.
- Phương pháp HPLC

IV. Hướng dẫn sử dụng

Không sấy trước khi dùng.

V. Bảo quản

Nhiệt độ 25 ± 5 °C, độ ẩm không quá 75 %.

Kiểm tra định kỳ		
Đã kiểm tra (năm)	Kiểm tra lần sau (năm)	Phụ trách khoa (ký)
	10/2019	<i>Ngaz</i>
10/2019	10/2020	<i>Ngaz</i>
10/2020	10/2021	<i>Ngaz</i>
10/2021	10/2022	<i>Ngaz</i>
10/2022	10/2023	<i>Ngaz</i>
10/2023	10/2024	<i>Ngaz</i>

BM/TQKT-ĐD/09.04

2/2

Tang ký sinh CC 0118 057.02

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2018

VIỆN TRƯỞNG



Đoàn Cao Sơn

Ngày ban hành: 22/03/2016